

实用全新版系列

多功能字典

DUOGONGNENG ZIDIAN



商务印书馆
国际有限公司

实用全新版系列

多功能字典

DUOGONGNENG ZIDIAN

商务印书馆
国际有限公司
中国·北京

图书在版编目(CIP)数据

多功能字典/《多功能字典》编委会编. —北京:商务印
书馆国际有限公司, 2009. 7

(实用全新版系列)

ISBN 978-7-80103-628-5

I. 多… II. 多… III. 汉语—字典 IV. H163

中国版本图书馆 CIP 数据核字(2009)第 098291 号

版权所有·违者必究

DUOGONGNENG ZIDIAN

多功能字典

商务印书馆国际有限公司出版发行

(北京市东城区史家胡同甲 24 号 邮编:100010)
电子信箱:cpinter@public3.bta.net.cn

出 版 人:程孟辉

责任编辑:刘 晗 李可欣

封面设计:付 强

全国新华书店经销

发 行 热 线:(010)65598498 电话、传真:65234023

编辑部电话:(010)65277381 传真:85113673

北京中科印刷有限公司印刷

字数:1453 千字

开本:850×1168mm 1/32 35.875 印张

2009 年 9 月北京第 1 版 2009 年 9 月北京第 1 次印刷

定价:49.80 元

如有印刷质量问题,影响阅读,请与我公司联系调换

前 言

本字典主要为广大具有初、中等文化程度的读者，尤其是广大中小学师生编写，帮助他们解决汉语学习与应用中所遇到的各种问题。全书内容从字、词语、句子、英文注解等诸多方面入手，以“多功能”的形式提供了多方面的知识与信息。

本字典根据国家语委和教育部颁布的《现代汉语常用字表》中的规定确定收字范围，共选收规范字 5000 余个，并提供了由这些字头构成的常见、常用词语 10000 余条。全书字头严格按照国务院颁布的《汉语拼音方案》的规定注音；各字头的笔画数以国家语言文字工作委员会和新闻出版总署颁布的《现代汉语通用字笔顺规范》为标准确定；部首的划分以中国文字改革委员会和国家出版局颁布的《汉字统一部首表（草案）》为依据。

由于本字典的主要目标读者是广大中小學生，因此，全书对所收字、词条等提供了较为全面、细致的阐释，提供了注音、部首、笔画、结构、笔顺、释义、多音字、组词、同义、反义、解词造句、五笔字型以及字词所对应的英文等极其丰富的内容。其中，全书在义项的选择和释文的编写方面，在规范、准确的基础上，力求简明、精当和通俗易懂，使读者，尤其是广大中小學生可以迅捷、清晰和准确无误地理解和掌握字词的意义。

在本字典编纂过程中，我们得到了在京诸多汉语言专家、学者的倾

II 前言

力相助，在此，谨向他们表示衷心的感谢！同时，我们也希望各界读者对书中存在的缺点和错误给予批评指正，以便使本字典更加完善。

编 者

2009 年 6 月

凡 例

一、条目

1. 本字典单字条目所用汉字形体以现在通行的为标准。单字条目按汉语拼音字母顺序排列。同音条目按阴平、阳平、上声、去声、轻声的顺序排列。同音字按笔画由少到多排列；笔画数相同的，按第一画笔形横、竖、撇、点、折的顺序排列，第一画笔形相同的，按第二画笔形排列，以此类推。

2. 各字头下均提供了拼音、部首、笔画数、结构类型、笔顺、释义等项目。

3. 字头有两个或两个以上读音的，分立条目。

4. 每个条目都用汉语拼音字母注音，条目中的轻声字注音，不标调号。

二、释义

1. 一般只列现代汉语中常用义项，酌收少量于今有实用价值的古代汉语中的义项。

2. 义项不止一个的，分条注解，用①②③等表示，一个义项下如再分条，用 a.b.c. 等表示。

三、组词

所举常用词汇分别按二字条目、三字条目和四字条目的顺序列出。正词条目在前，依第二字的拼音字母次序排列；第二字相同的，依第三

IV 凡例

字排列，以此类推。

四、同义、反义

列举了由该字组成的常用词语的同义词或反义词。

五、英文

提供了由该字组成的常用词语的英语对应词。

六、五笔

为读者进行计算机汉字录入提供了参考。

七、〈书〉〈方〉〈口〉

分别代表书面用语、方言、口语。

目 录

前言	I
凡例	III
音序索引	1 ~ 14
部首检字表	1 ~ 63
字典正文	1 ~ 1061

音序索引

A		àng	8	bān	19	bèn	35
		āo	9	bǎn	20	bēng	35
	ā	áo	9	bàn	21	béng	36
	á	ǎo	10	bāng	23	běng	36
	ǎ	ào	10	bǎng	23	bèng	36
	à			bàng	24	bī	37
	a			bāo	25	bí	37
	āi	bā	12	báo	27	bǐ	38
	ái	bá	14	bǎo	27	bì	39
	ǎi	bǎ	14	bào	28	biān	44
B	ài	bà	15	bēi	30	biǎn	45
	ān	ba	16	běi	31	biàn	46
	ǎn	bāi	16	bèi	31	biāo	47
	àn	bái	17	bei	34	biǎo	48
	āng	bǎi	17	bēn	34	biào	49
	áng	bài	18	běn	34	biē	49

bié	50	cán	69	chāng	85	chǒng	108
biě	50	cǎn	70	cháng	86	chòng	108
biè	51	càn	70	chǎng	88	chōu	108
bīn	51	cāng	70	chàng	89	chóu	109
bìn	52	cáng	71	chāo	90	chǒu	111
bīng	52	cāo	71	cháo	91	chòu	111
bǐng	53	cáo	72	chǎo	92	chū	111
bìng	54	cǎo	73	chē	93	chú	112
bō	55	cè	73	chě	93	chǔ	114
bó	57	cēn	75	chè	93	chù	115
bǒ	60	cēng	75	chēn	94	chuāi	116
bò	60	céng	75	chén	94	chuǎi	116
bo	61	cèng	75	chèn	96	chuài	117
bǔ	61	chā	76	chēng	97	chuān	117
bù	62	chá	77	chéng	98	chuán	117
		chǎ	79	chěng	101	chuǎn	118
		chà	79	chèng	101	chuàn	118
cā	65	chāi	80	chī	101	chuāng	119
cāi	65	chái	81	chí	103	chuáng	119
cái	66	chān	82	chǐ	104	chuǎng	120
cǎi	67	chán	82	chì	105	chuàng	120
cài	68	chǎn	84	chōng	106	chuī	121
cān	68	chàn	85	chóng	107	chuí	121

chūn	122	cùn	136	dào	154	dòng	178
chún	123	cuō	136	dé	156	dǒu	179
chǔn	124	cuó	137	de	156	dǒu	180
chuō	124	cuò	137	děi	157	dòu	181
chuò	124	D		dēng	157	dū	182
cī	125			děng	158	dú	182
cí	125	dā	139	dèng	158	dǔ	184
cǐ	127	dá	140	dī	159	dù	185
cì	128	dǎ	141	dí	160	duān	186
cōng	129	dà	141	dǐ	162	duǎn	187
cóng	129	da	142	dì	163	duàn	187
còu	130	dāi	142	diān	165	duī	188
cū	130	dǎi	142	diǎn	166	duì	189
cù	131	dài	143	diàn	167	dūn	189
cuān	132	dān	146	diāo	169	dǔn	190
cuán	132	dǎn	147	diào	171	dùn	191
cuàn	132	dàn	147	diē	172	duō	192
cuī	133	dāng	149	dié	172	duó	193
cuǐ	134	dǎng	150	dīng	173	duǒ	193
cùi	134	dàng	151	dǐng	175	duò	194
cūn	135	dāo	152	dìng	175	E	
cún	135	dǎo	152	diū	176		
cǔn	136	dǎo	152	dōng	177		
				dǒng	177	ē	196

é	196	féi	214	gāi	239	gòng	262
ě	197	fěi	214	gǎi	240	gōu	263
è	197	fèi	215	gài	240	gǒu	264
ēn	200	fēn	216	gān	241	gòu	265
èn	200	fén	218	gǎn	243	gū	266
ér	200	fěn	218	gàn	245	gǔ	268
ěr	201	fèn	218	gāng	245	gù	270
èr	202	fēng	220	gǎng	247	guā	272
F		féng	223	gàng	247	guǎ	272
		fèng	223	gāo	247	guà	273
		fèng	223	gǎo	249	guāi	274
fā	203	fó	224	gào	250	guǎi	274
fá	203	fǒu	225	gē	250	guài	274
fǎ	204	fū	225	gé	252	guān	275
fà	205	fú	226	gě	254	guǎn	276
fān	205	fǔ	230	gè	255	guàn	277
fán	206	fù	232	gěi	255	guāng	279
fǎn	207	G		gēn	256	guǎng	280
fàn	208			gēng	257	guàng	280
fāng	209			gěng	258	guī	280
fáng	210	gā	238	gèng	258	guǐ	282
fǎng	211	gá	239	gōng	259	guì	283
fàng	212	gǎ	239	gǒng	262	gǔn	284
fēi	212	gà	239				

gùn	284	háo	297	hǔ	318	huó	340	
guō	285	hǎo	299	hù	318	huǒ	340	
guó	285	hào	299	huā	320	huò	341	
guǒ	286	hē	301	huá	320	J		
guò	286	hé	301	huà	322			
H		hè	304	huái	323		jī	344
		hēi	306	huài	324		jí	348
		hén	306	huān	324	jǐ	352	
hā	288	hěn	307	huán	325	jì	353	
há	288	hèn	307	huǎn	326	jiā	359	
hǎ	288	hēng	307	huàn	326	jiá	361	
hà	289	héng	308	huāng	328	jiǎ	362	
hāi	289	hèng	309	huáng	329	jià	363	
hái	290	hng	309	huǎng	330	jiān	364	
hǎi	290	hōng	309	huàng	331	jiǎn	368	
hān	291	hóng	310	huī	331	jiàn	370	
hán	292	hǒng	312	huí	333	jiāng	375	
hǎn	293	hòng	312	huǐ	334	jiǎng	377	
hàn	293	hóu	312	huì	334	jiàng	378	
hāng	296	hǒu	313	hūn	338	jiāo	379	
háng	296	hòu	313	hún	338	jiáo	382	
hàng	297	hū	314	hùn	339	jiǎo	382	
hāo	297	hú	315	huō	340	jiào	385	

jiē	387	jué	423	kè	441	kuǐ	455
jié	389	juě	427	kèn	443	kuì	455
jiě	392	juè	427	kēng	443	kūn	456
jiè	393	jūn	427	kōng	444	kǔn	457
jie	395	jùn	428	kǒng	444	kùn	457
jīn	395	K		kòng	445	kuò	457
jǐn	397			kōu	446	L	
jìn	399			kǒu	446		
jīng	402	kā	430	kòu	446	lā	459
jǐng	405	kǎ	430	kū	447	lá	460
jìng	406	kāi	431	kǔ	448	lǎ	460
jiǒng	409	kǎi	432	kù	448	là	460
jiū	410	kān	432	kuā	449	la	461
jiǔ	411	kǎn	433	kuǎ	449	lái	461
jiù	412	kàn	434	kuà	449	lài	462
jū	414	kāng	434	kuài	450	lán	462
jú	416	káng	435	kuān	451	lǎn	464
jǔ	416	kàng	435	kuǎn	451	làn	465
jù	417	kǎo	436	kuāng	452	lāng	466
juān	421	kào	437	kuáng	452	láng	466
juǎn	422	kē	438	kuàng	453	lǎng	467
juàn	422	ké	440	kuī	454	làng	467
juē	423	kè	440	kuí	455	lǎo	468

láo	468	liàng	489	lōu	510	luò	527
lǎo	469	liāo	491	lóu	511	M	
lào	470	liáo	491	lǒu	512		
lè	471	liǎo	493	lòu	512	mā	529
le	471	liào	493	lou	513	má	529
lēi	471	liē	494	lū	513	mǎ	530
léi	471	liě	494	lú	513	mà	531
lěi	472	liè	495	lǔ	515	ma	531
lèi	473	līn	496	lù	516	mái	532
léng	474	lín	497	lú	518	mǎi	532
lěng	474	lǐn	499	lǔ	519	mài	532
lèng	475	lìn	499	lù	520	mán	533
lī	475	líng	500	luán	521	mǎn	534
lí	475	lǐng	503	luǎn	522	màn	535
lǐ	477	lìng	504	luàn	522	máng	536
lì	479	liū	504	lǜè	523	mǎng	537
li	483	liú	505	lūn	523	māo	537
liǎ	484	liǔ	506	lún	523	máo	538
lián	484	liù	507	lùn	525	mǎo	539
liǎn	486	lōng	508	lùn	525	mào	539
liàn	486	lóng	508	luō	525	me	541
liáng	487	lǒng	509	luó	525	méi	541
liǎng	489	lòng	510	luǒ	527	měi	543

mèi	544	mǐn	558	nài	574	niàn	586
mēn	545	míng	559	nān	575	niáng	586
mén	545	mǐng	561	nán	575	niàng	586
mèn	545	mìng	561	nàn	576	niǎo	587
men	546	miù	561	nāng	576	niào	587
mēng	546	mō	561	náng	577	niē	588
méng	546	mó	562	nāo	577	niè	588
měng	548	mǒ	563	náo	577	nín	589
mèng	549	mò	563	nǎo	578	níng	589
mī	549	mōu	566	nào	578	nǐng	590
mí	549	móu	566	né	579	nìng	590
mǐ	551	mǒu	567	nè	579	niū	591
mì	551	mú	567	ne	579	niú	591
mián	553	mǔ	568	něi	579	niǔ	591
miǎn	553	mù	568	nèi	579	niù	592
miàn	554	N		nèn	580	nóng	592
miāo	555			néng	580	nòng	594
miáo	555	nā	572	ní	581	nú	594
miǎo	556	ná	572	nǐ	582	nǚ	594
miào	556	nǎ	572	nì	582	nù	595
miē	557	nà	573	niān	584	nǚ	595
miè	557	na	574	nián	584	nù	595
mín	558	nǎi	574	niǎn	585	nuǎn	596

nùè	596	pāng	607	piāo	624	qí	640
nuó	596	páng	607	piáo	624	qǐ	643
nuò	597	pàng	609	piǎo	625	qì	645
O		pāo	609	piào	625	qiā	647
		páo	609	piē	626	qiǎ	647
ō	598	pǎo	610	piě	626	qià	648
ó	598	pào	611	pīn	626	qiān	648
ò	598	pēi	611	pín	626	qián	650
ōu	598	péi	612	pǐn	627	qiǎn	652
ǒu	599	pèi	613	pìn	627	qiàn	652
òu	600	pēn	614	pīng	628	qiāng	654
P		pén	614	píng	628	qiáng	655
		pèn	614	pō	630	qiǎng	655
pā	601	pēng	614	pó	631	qiàng	656
pá	601	péng	615	pǒ	631	qiāo	656
pà	602	pěng	617	pò	631	qiáo	657
pāi	602	pèng	617	pōu	632	qiǎo	658
pái	603	pī	617	pū	633	qiào	659
pǎi	604	pí	619	pú	634	qiē	660
pài	604	pǐ	620	pǔ	635	qié	661
pān	604	pì	621	pù	636	qiě	661
pán	605	piān	622	Q		qiè	661
pàn	606	pián	623			qīn	662
		piàn	623	qī	638	qín	663